

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

Nguyễn Hoàng Diệu Linh

**THÂM HỤT CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG
QUỐC: TÌNH HÌNH VÀ GIẢI PHÁP**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Hà Nội-2010

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Từ khi thực hiện chủ trương đổi mới nền kinh tế theo tinh thần của Đại hội Đảng VI (1986) đến nay, sự phát triển kinh tế của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào. Tuy nhiên, cùng với lạm phát, mức thâm hụt cán cân thương mại khá cao trong mấy năm trở lại đây đã và đang đe dọa tới nền kinh tế Việt Nam. Mức thâm hụt cán cân thương mại năm 2008 là 18 tỷ USD, bằng 28,7% kim ngạch xuất khẩu. Năm 2009, nền kinh tế nói chung và thương mại xuất nhập khẩu nói riêng có những biến động phức tạp do chịu ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới. Tính đến hết năm 2009, kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 57,1 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu cả năm đạt 69,9 tỷ USD; như vậy, thâm hụt thương mại trong năm vừa qua được kiềm chế ở mức 12,8 tỷ USD, chiếm 22,4% kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, các giải pháp đang thực hiện vẫn chưa được đánh giá cao. Việc tìm ra những giải pháp hiệu quả mà vẫn phù hợp với thông lệ quốc tế để cải thiện tình trạng thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Khi đi sâu vào phân tích các số liệu thống kê về xuất nhập khẩu của Việt Nam, có thể thấy rằng chủ yếu thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam là với Trung Quốc. Năm 2009 vừa qua, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thị trường Trung Quốc đạt 21,3 tỷ USD, tăng 5,8% so với năm 2008. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong năm này chỉ đạt 4,9 tỷ USD, còn lại chúng ta nhập khẩu từ Trung Quốc tới 16,4 tỷ USD, tức nhập siêu với Trung Quốc là 11,5 tỷ USD, chiếm 89,8% tổng nhập siêu của cả nước. Chính vì vậy, tìm ra giải pháp để cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc sẽ cải thiện được phần lớn cán cân thương mại của Việt Nam với thế giới. Hơn nữa, việc tập trung nghiên cứu cán cân thương mại giữa Việt Nam với một thị trường cụ thể sẽ hiệu quả hơn việc nghiên cứu dàn trải toàn bộ cán cân thương mại của Việt Nam. Đề tài luận văn “Thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam- Trung Quốc: Tình hình và giải pháp” thực sự cần thiết và xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trong phát triển kinh tế của Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu:

Liên quan đến chủ đề của luận văn, hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới đã có những nghiên cứu sau đây:

1/ Đề án “Đẩy mạnh xuất khẩu và hạn chế nhập siêu áp dụng cho giai đoạn 2008-2010” của Bộ Công Thương (2008). Trước diễn biến của tình hình nhập siêu hiện nay, Bộ Công Thương đã đề xuất và xây dựng đề án nhằm tìm ra những giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại chung của Việt Nam.

2/ “Nghiên cứu Tác động của khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc đối với Việt Nam” của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2006). Nghiên cứu này được thực hiện qua 12 chuyên đề về cả 3 lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư. Đối với từng lĩnh vực, các chuyên đề đã tổng quan tình hình thực tế và các chính sách được áp dụng để từ đó đánh giá tác động của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc tới nền kinh tế Việt Nam.

3/ “Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc: Hiện tại và triển vọng” của Viện kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2003). Nghiên cứu này đã đi sâu phân tích về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc trong hiện tại, đánh giá ưu nhược điểm và đưa ra dự báo cũng như kiến nghị để thúc đẩy hàng Việt Nam vào Trung Quốc trong tương lai.

4/ “Thâm hụt cán cân thương mại: Kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam” của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2008). Nghiên cứu này đã đưa ra nhiều bài học kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới để làm tham khảo cho việc xây dựng các giải pháp đối với tình trạng thâm hụt thương mại của Việt Nam hiện nay.

5/ “The Impact of Trade Liberalization on the Trade Balance in Developing Countries” của Yi Wu và Li Zeng, Quỹ tiền tệ quốc tế (2008). Đây là nghiên cứu về ảnh hưởng của tự do hóa thương mại đối với nhập khẩu, xuất khẩu và cán cân thương mại tổng thể của các quốc gia đang phát triển. Nghiên cứu đã tìm ra chứng cứ thuyết phục và mạnh mẽ để chứng minh tự do hóa thương mại sẽ làm tăng xuất nhập khẩu và không gây nhiều tiêu cực cho cán cân thương mại của các nước này.

6/ “The U.S. Trade deficit Causes, Consequences, and Recommendations for Action” của Ủy ban kiểm tra thâm hụt thương mại Liên bang Mỹ (2000).

Nghiên cứu này bao gồm 7 phần, tập trung vào những vấn đề như nguyên nhân, hệ quả, dự báo và những kiến nghị giải pháp cho sự thâm hụt cán cân thương mại của Mỹ, đặc biệt có tính đến ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa.

7/ “Exchange rates and the trade balance: Korean experience 1970 to 1996” của Peter Wilson, đăng trên Tập san kinh tế Seoul (2000). Mục đích của nghiên cứu là để chứng minh mối quan hệ giữa cán cân thương mại thực tế và tỷ giá hối đoái thực tế trong quan hệ thương mại hàng hóa song phương giữa Hàn Quốc với Nhật Bản và Mỹ trong giai đoạn từ năm 1970 đến 1996.

8/ “The U.S. and Taiwan trade balance revisited: A comparison of the instrument variable and the VAR models” của Huang Bwo-Nung, Sohng Soong-Nark và Yang Chin-Wei, đăng trên Tập san kinh tế Seoul (1999). Nghiên cứu sử dụng nhiều biến số và mô hình VAR để phân tích cán cân thương mại giữa Đài Loan và Mỹ, đặc biệt là tình hình xuất siêu của Đài Loan sang Mỹ. Sự tăng trưởng xuất khẩu kéo dài chính là một nhân tố đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế ngoạn mục của Đài Loan.

Ngoài ra, còn có rất nhiều các nghiên cứu khác nữa cũng liên quan đến nội dung của luận văn (xem thêm phần Tài liệu tham khảo ở trang 133). Tuy nhiên, những nghiên cứu trong nước hầu hết chỉ đề cập đến cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam hoặc quan hệ thương mại Việt Nam-Trung Quốc nói chung. Trong khi đó, các nghiên cứu của nước ngoài lại đưa ra những nhận định tổng quát về cán cân thương mại hoặc phân tích cán cân thương mại song phương cũng như tổng thể của một số quốc gia điển hình trên thế giới. Như vậy, chưa có một đề tài nghiên cứu nào đề cập sâu sắc và có hệ thống về thâm hụt cán cân thương mại Việt-Trung hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Đề tài “Thâm hụt cán cân thương mại Việt- Trung: Tình hình và giải pháp” được nghiên cứu với mục đích phân tích và tìm ra được những giải pháp hiệu quả để cải thiện sự thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam trong thương mại với Trung Quốc.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Với mục đích như trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của cán cân thương mại và phát triển quan hệ thương mại Việt-Trung
- Phân tích tình hình quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc nói chung và cán cân thương mại giữa hai nước nói riêng.
- Từ những phân tích và tìm hiểu trên, kiến nghị các giải pháp cụ thể và hiệu quả để cải thiện cán cân thương mại giữa hai quốc gia.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu mối quan hệ thương mại Việt Nam-Trung Quốc từ năm 1991 đến nay (chỉ Trung Quốc đại lục, không tính đến Hồng Kông, Ma Cao).

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng các phương pháp thống kê, phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích- tổng hợp.

6. Những đóng góp mới của luận văn:

- Tìm ra nguyên nhân gây mất cân bằng cho cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc.
- Tìm ra cơ sở để xây dựng các giải pháp cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc.
- Kiến nghị, đề xuất một số giải pháp hiệu quả để cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc.

7. Bố cục của luận văn:

Luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của sự phát triển quan hệ thương mại và cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

Chương 2. Thực trạng quan hệ thương mại và tình hình thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc hiện nay

Chương 3. Các giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

CHƯƠNG 1

Cơ sở lý luận và thực tiễn của sự phát triển quan hệ thương mại và cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế

1.1.1.1. Lý thuyết thương mại quốc tế của Chủ nghĩa trọng thương

Các tác giả trọng thương lập luận rằng xuất khẩu đối với một quốc gia là rất có ích vì nó làm gia tăng lượng của cải của quốc gia. Ngược lại nhập khẩu là gánh nặng vì nó làm thất thoát của cải của quốc gia. Những lập luận của các tác giả thuộc trường phái trọng thương chứa đựng nhiều quan điểm mà cho đến nay vẫn còn giá trị.

1.1.1.2. Adam Smith và lợi thế tuyệt đối:

Adam Smith là người đầu tiên đưa ra sự phân tích có tính hệ thống về nguồn gốc thương mại quốc tế khi đưa ra ý tưởng về lợi thế tuyệt đối để giải thích nguồn gốc và lợi ích của thương mại quốc tế.

1.1.1.3. Lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo:

Nếu như khái niệm lợi thế tuyệt đối được xây dựng trên cơ sở sự khác biệt về số lượng lao động thực tế được sử dụng ở các quốc gia khác nhau, thì lợi thế so sánh lại xuất phát từ hiệu quả sản xuất tương đối.

1.1.1.4. Lý thuyết Heckscher-Ohlin:

Lý thuyết Heckscher-Ohlin cho rằng chính mức độ sẵn có của các yếu tố sản xuất ở các quốc gia khác nhau và hàm lượng các yếu tố sản xuất sử dụng để làm ra các mặt hàng khác nhau mới là những nhân tố quan trọng quy định thương mại.

1.1.2. Cán cân thương mại và tác động của nó đến nền kinh tế quốc dân:

1.1.2.1. Cán cân thương mại và các yếu tố ảnh hưởng:

a) Khái niệm cán cân thương mại:

Cán cân thương mại là một bộ phận cấu thành của cán cân thanh toán và được phản ánh cụ thể trong cán cân tài khoản vãng lai. Về mặt kỹ thuật, cán cân thương mại là cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu.

b) Các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân thương mại:

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân thương mại, cần phân tích riêng rẽ các yếu tố quyết định xuất khẩu, nhập khẩu, do đó, ảnh hưởng đến cán cân thương mại.

1.1.2.2. Tác động của cán cân thương mại tới nền kinh tế

Cán cân thương mại là một bộ phận cấu thành của tổng thu nhập quốc dân, thặng dư hay thâm hụt cán cân thương mại đều ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Cơ sở thực tiễn của quan hệ thương mại Việt Nam- Trung Quốc

1.2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển mối quan hệ thương mại truyền thống giữa hai quốc gia

Là hai nước láng giềng có biên giới chung dài 1350 km nên quan hệ thương mại giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã có từ rất lâu đời.

1.2.1.2. Chính sách thương mại xuất nhập khẩu của Trung Quốc và Việt Nam hiện nay

Do ảnh hưởng của các cam kết quốc tế mà Trung Quốc và Việt Nam tham gia, các chính sách thương mại xuất nhập khẩu của các hai quốc gia ngày càng tạo điều kiện cho sự phát triển quan hệ thương mại song phương giữa hai nước.

1.2.1.3. Quan hệ hợp tác song phương

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn của cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

1.2.2.1. Thặng dư trong cán cân thương mại của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới

Mặc dù cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt nặng với Trung Quốc và các nước Châu Á, tuy nhiên nhờ đạt được thặng dư trong cán cân thương mại với một số thị trường khác nên mức thâm hụt chung trong cán cân thương mại của Việt Nam được cải thiện phần nào.

1.2.2.2. Cán cân tài khoản vốn và trạng thái cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam:

Mặc dù cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt nặng trong thời gian gần đây, tuy nhiên, tổng thể cán cân thanh toán luôn được cải thiện từ cán cân tài khoản vốn và các khoản mục khác trong cán cân thanh toán.

1.3. Các giải pháp cải thiện cán cân thương mại của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Giải pháp cải thiện cán cân thương mại của Ác-hen-ti-na:

Nhìn lại nền kinh tế của Ác-hen-ti-na, đất nước này đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong lịch sử và đã phải đương đầu với vấn đề nhập siêu, nợ nước ngoài quá lớn và lạm phát, khủng hoảng kinh tế trầm trọng vào cuối năm 2001. Để giải quyết vấn đề này Ác-hen-ti-na đã thực hiện hàng loạt các biện pháp vĩ mô, trong một thời gian tương đối dài.

1.3.2. Các giải pháp cải thiện cán cân thương mại của các nước Châu Á

Để tránh tình trạng thâm hụt cán cân thương mại, các nước trên thế giới nói chung và Châu Á nói riêng thường thực hiện các biện pháp như khuyến

khích xuất khẩu, quản lý nhập khẩu, chính sách tỷ giá hối đoái, chính sách đầu tư, quản lý nợ nước ngoài...

1.3.3. Nhận xét

- Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, để phát triển sản xuất, nhập khẩu máy móc và nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, hầu hết các quốc gia đều bị thâm hụt cán cân thương mại và chịu thâm hụt với một hoặc một số đối tác chủ yếu.

- Khi thực hiện các giải pháp “kiềm chế nhập siêu”, các nước xác định rất rõ mục tiêu.

- Đi kèm với các giải pháp ngắn hạn, các quốc gia cũng luôn chú trọng tập trung vào các giải pháp dài hạn vì đây mới là những giải pháp thật sự có hiệu quả lâu dài để giải quyết vấn đề nhập siêu.

Kết luận chương 1:

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc có những cơ sở vững chắc cả về mặt lý luận và thực tiễn cho sự hình thành và phát triển.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc là cần thiết, mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai nước. Tuy nhiên, sự mất cân bằng trong cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thâm hụt trong cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam. Căn cứ lý thuyết về cán cân thương mại, cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam bị thâm hụt trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế quốc dân.

Thặng dư thương mại với các nước khác cũng như thặng dư của các khoản mục khác trong cán cân thanh toán chính là cơ sở thực tiễn cho thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc. Tuy nhiên, mức độ bền vững của sự tài trợ đó đang dần trở nên mong manh hơn trong thời gian gần đây.

Trong giai đoạn đầu thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các quốc gia thường chịu thâm hụt thương mại để nhập khẩu nguyên

liệu, máy móc công nghệ từ các nước tiên tiến khác. Thành công của các nước đi trước trong việc cải thiện cán cân thương mại sẽ là bài học cho Việt Nam.

CHƯƠNG 2

**Thực trạng quan hệ thương mại và tình hình thâm hụt cán cân
thương mại của Việt Nam với Trung Quốc hiện nay**

**2.1. Thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm
1991**

Căn cứ vào mức thâm hụt thương mại Việt Nam – Trung Quốc, có thể chia quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc làm 3 giai đoạn:

- 1991 – 1994: Về cơ bản là cân bằng.
- 1994 – 2001: Chịu nhiều biến động.
- 2001 – nay: Thâm hụt thương mại Việt - Trung tăng nhanh.

2.1.1. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc

2.1.1.1. Kim ngạch xuất khẩu qua các năm

Từ năm 1991, với điều kiện địa lý thuận lợi, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc không ngừng tăng trưởng.

Tỷ trọng của kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng trưởng nhanh chóng, từ mức 0,48% năm 1991 lên mức 8,6% năm 2009.

Hiện nay, sau khi Việt Nam đã đạt được 1 số thành công trong việc phát triển quan hệ thương mại song phương với Mỹ, xuất khẩu sang Trung Quốc ổn định ở vị trí 3 sau Mỹ và Nhật Bản.

2.1.1.2. Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu

Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc là dầu thô, than đá, cao su thiên nhiên, gạo, hạt điều, giày dép, điện và dây cáp điện, thủy sản, rau quả, quặng các loại, chè các loại, vi tính và linh kiện điện tử, dầu thực vật, sản lát và tinh bột, sản phẩm gỗ, sản phẩm nhựa. Trải qua các giai đoạn khác nhau, kim ngạch xuất khẩu của từng mặt hàng sang Trung Quốc có những sự thay đổi đáng kể.

2.1.1.3. Nhận xét chung

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc có sự phát triển khá lớn và bền vững thể hiện qua tốc độ tăng trưởng qua các năm.

Cơ cấu xuất khẩu cũng có nhiều sự thay đổi tích cực.

Trung Quốc là thị trường láng giềng rộng lớn, nhưng Việt Nam vẫn chưa khai thác hết cơ hội tiềm năng trong việc xuất khẩu sang thị trường này.

2.1.2. Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc

2.1.2.1. Kim ngạch nhập khẩu qua các năm

Trung Quốc là thị trường lớn gần nhất, có tốc độ phát triển kinh tế mạnh, giá cả có sức cạnh tranh so với các nguồn cung cấp khác, vì vậy kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc liên tục tăng qua các năm.

Với tốc độ tăng trưởng rất cao của kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam, Trung Quốc dần trở thành đối tác quan trọng nhất của Việt Nam trong lĩnh vực nhập khẩu.

2.1.2.2. Cơ cấu hàng hoá nhập khẩu

Trong những năm gần đây, nhu cầu nhập khẩu của Việt Nam tăng mạnh và hàng hóa của Trung Quốc đã đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu này.

Việt Nam nhập khẩu khoảng 200 loại hàng hóa từ Trung Quốc, gồm 5 nhóm mặt hàng chính như sau: Thiết bị toàn bộ; Máy móc; Nguyên, nhiên, vật liệu; Hàng nông sản; Hàng tiêu dùng và dược phẩm

2.1.2.3. Nhận xét chung

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc là một nghịch lý vì chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc là mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, đây không phải là mặt hàng Trung Quốc có thế mạnh.

Hiện nay, Việt Nam nằm trong khoảng top 20 thị trường xuất khẩu hàng đầu của Trung Quốc.

2.1.3. Buôn bán biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc

2.1.3.1. Tổng quan về buôn bán biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc

Các hoạt động buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc có quy củ chặt chẽ hơn và gia tăng nhanh.

Hàng hóa trao đổi mậu dịch biên giới có cơ cấu rất đa dạng.

Nhìn chung, buôn bán biên giới Việt Trung phát triển đã mang lại nhiều cải thiện về mặt kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

2.1.3.2. Trao đổi hàng hoá của Việt Nam với tỉnh Quảng Tây

Tốc độ tăng trưởng bình quân xuất khẩu sang Quảng Tây giai đoạn 2001 – 2008 là 33%/năm trong khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân nhập khẩu từ Quảng Tây giai đoạn này là 44,7%/năm.

Cơ cấu xuất nhập khẩu cũng lý giải phần nào nguyên nhân thâm hụt cán cân thương mại giữa Việt Nam và Quảng Tây.

2.1.3.3. Trao đổi hàng hoá của Việt Nam với tỉnh Vân Nam

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá giữa Việt Nam với Vân Nam tăng trưởng nhanh, từ 62,2 triệu USD năm 1995 lên 645 triệu USD năm 2008, tăng gấp hơn 10 lần.

Hiện tượng mất cân bằng thương mại giữa hai bên đã xảy ra từ giữa thập niên 90 của thế kỷ trước.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Vân Nam thay đổi theo năm. Đây chính là nét đặc trưng của buôn bán tiểu ngạch.

2.1.3.4. Nhận xét chung:

Buôn bán qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc đã phát huy một số mặt tích cực tuy nhiên cũng bộc lộ nhiều mặt tiêu cực.

Những hạn chế và tồn tại trong thương mại mậu biên Việt Nam – Trung Quốc là nguyên nhân dẫn đến sự mất cân bằng thương mại giữa Việt Nam và các tỉnh biên giới Trung Quốc giáp Việt Nam, góp phần vào thâm hụt cán cân thương mại Việt Nam và Trung Quốc nói chung.

2.2. Thâm hụt cán cân thương mại Việt-Trung

2.2.1. Tình hình thâm hụt cán cân thương mại Việt-Trung

2.2.1.1. Tổng quan về cán cân thương mại Việt-Trung

Trong suốt giai đoạn dài từ năm 1991 đến năm 2009, cán cân thương mại Việt Trung hầu như luôn trong tình trạng mất cân bằng lớn.

Từ năm 2001 đến nay, do nhập khẩu từ Trung Quốc không ngừng gia tăng, thâm hụt thương mại với Trung Quốc tăng rất nhanh, từ 189 triệu USD năm 2002 lên 11.532 triệu USD năm 2009, tức nhập siêu đã tăng gấp hơn 60 lần. Tốc độ tăng nhập siêu hàng năm giai đoạn 2001-2009 là 67,2%.

Nhìn chung, trong thương mại xuất nhập khẩu, cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam luôn bị thâm hụt và thâm hụt thương mại với Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thâm hụt thương mại cả nước.

2.2.3.2. Nhận xét:

- Nhập siêu từ thị trường Trung Quốc ngày càng lớn cả về giá trị và tỷ lệ tương đối.
- Tỷ lệ nhập siêu từ Trung Quốc luôn lớn hơn tỷ lệ nhập siêu của cả nước.
- Nhập siêu từ Trung Quốc chiếm phần lớn tổng nhập siêu của Việt Nam.
- Khó thu hẹp nhập siêu.

2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới cán cân thương mại Việt-Trung

2.2.2.1. Tác động của tự do hoá thương mại

Việc tham gia vào Tổ chức thương mại thế giới và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc có tác động lớn tới hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc.

2.2.2.2. Cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu giữa hai nước

Việt Nam chuyên xuất khẩu sản phẩm thô, nhưng lại nhập các sản phẩm chế biến từ Trung Quốc.

2.2.2.3. Luồng vốn FDI từ Trung Quốc vào Việt Nam

Trong thời gian qua, tình hình thu hút đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam đã đạt được những thành công đáng kể. Tuy nhiên đi kèm với luồng vốn đầu tư là sự gia tăng về kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc.

2.2.2.4. Tỷ giá giữa Việt Nam Đồng và Nhân dân tệ

Việt Nam đồng được định giá cao còn Nhân dân tệ được định giá thấp, điều này có lợi cho nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc nhưng rất bất lợi cho việc xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, góp phần gây ra sự mất cân bằng cán cân thương mại giữa hai nước.

2.2.2.5. Sức cạnh tranh cao hơn của hàng hoá Trung Quốc

Hàng hóa của Trung Quốc đẹp về mẫu mã, phong phú về chủng loại, nắm bắt tốt nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng và đặc biệt là khả năng cạnh tranh về giá rất mạnh. Điều này không chỉ gây sức ép cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam muốn xuất khẩu được sang thị trường Trung Quốc mà ngay cả đối với hàng hóa sản xuất ra tiêu thụ trong nội địa (sức ép cạnh tranh ngay trên sân nhà).

2.2.2.6. Sự tham gia của các nhà thầu Trung Quốc trong các công trình lớn ở Việt Nam

Hiện tại Trung Quốc là nước có số lượng nhà thầu và số dự án trúng thầu nhiều nhất tại Việt Nam.

Việc các doanh nghiệp Trung Quốc trúng nhiều tổng thầu EPC ở Việt Nam đã góp phần đẩy kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị từ Trung Quốc lên cao.

2.2.2.7. Sự phát triển của các hoạt động thương mại biên giới

Trung Quốc đã có cơ chế chính sách biên mậu linh hoạt, phù hợp với từng tỉnh giáp biên với Việt Nam nên đã tận dụng hiệu quả những ưu đãi trong phương thức kinh doanh biên mậu để đẩy mạnh phát triển kinh tế cho các tỉnh biên giới của họ.

2.3. Những nỗ lực của Việt Nam trước tình trạng thâm hụt cán cân thương mại với Trung Quốc

2.3.1. Chủ trương của Chính phủ

2.3.1.1. Chủ trương của Chính phủ đối với thương mại Việt Nam – Trung Quốc:

Năm 2007, Chính phủ đã có chủ trương hạn chế nhập siêu với Trung Quốc và được cụ thể hóa tại Quyết định số 23/2007/QĐ-BTM ngày 02 tháng 08 năm 2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt đề án phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc giai đoạn 2001-2015.

2.3.1.2. Chủ trương của Chính phủ đối với tình trạng thâm hụt thương mại:

Do phải đối mặt với nguy cơ lớn hơn của nền kinh tế, đó là lạm phát, nên sang đến năm 2008, Chính phủ mới thực sự quyết liệt trong cuộc chiến chống nhập siêu, thể hiện tại Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

2.3.2. Những hành động cụ thể:

2.3.2.1. Các nỗ lực thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu:

- Hoàn thiện cơ chế chính sách xuất nhập khẩu thông qua việc ban hành các văn bản quy định mới.
- Tổ chức công tác dự báo thông tin tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới.
- Đổi mới phương thức Xúc tiến thương mại và tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Xây dựng cơ chế phối hợp, điều hành xuất khẩu nông sản thủy sản.
- Điều hành linh hoạt hoạt động buôn bán biên mậu theo hướng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu.

2.3.2.2. Chính sách tài chính, tiền tệ và hải quan:

- Từ tháng 1/2009, Bộ Tài chính đã ban hành một số Thông tư điều chỉnh thuế suất một số mặt hàng.

- Cho phép doanh nghiệp được tạm hoàn 90% số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa thực xuất khẩu.

- Ban hành Thông tư số 79/2009/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về thủ tục Hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Điều chỉnh tăng biên độ giao động lên 3% tỷ giá VND/USD trên thị trường liên ngân hàng từ ngày 25/12/2008 và lên 5% từ ngày 23/3/2009.

2.3.2.3. Các nỗ lực tăng cường kiểm soát nhập khẩu thông qua các biện pháp kỹ thuật:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

- Ban hành danh mục sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn (danh mục nhóm 2).

- Ban hành Thông tư số 19/2009/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2009 “Quy định các biện pháp quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hoá cần tăng cường quản lý trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường”.

- Dự thảo Thông tư ban hành “danh mục hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông bắt buộc kiểm tra nhà nước về chất lượng”.

- Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, tổ chức kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng hoá về việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng theo pháp luật hiện hành.

2.3.3. Nhận xét

- Nhiều giải pháp chỉ được đề ra một cách hình thức dưới dạng văn bản chứ không được tích cực thực hiện trong thực tiễn.

- Khi xảy ra tình trạng thâm hụt cán cân thương mại, các giải pháp đưa ra chú trọng nhiều vào giải pháp ngắn hạn và mang tính chất hành chính.

- Hiệu quả quản lý nhà nước trong vấn đề thực thi các giải pháp kiểm chế nhập siêu cũng là vấn đề cần bàn đến, mà cụ thể chính là sự phối hợp của các Bộ, ban, ngành khi thực hiện các giải pháp này.

- Các giải pháp nhập siêu vẫn tập trung vào tình hình nhập siêu nói chung, mà chưa chú trọng đến việc thực hiện các giải pháp riêng đối với một số thị trường cụ thể mà Việt Nam đặc biệt chịu thâm hụt thương mại.

Kết luận Chương 2:

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc phát triển rất nhanh trong thời gian qua thể hiện ở sự tăng trưởng mạnh mẽ của kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu, sự đa dạng hóa của các mặt hàng xuất nhập khẩu cũng như sự nhộn nhịp, sôi động của hoạt động thương mại biên giới.

Mặc dù vậy, cán cân thương mại Việt Nam – Trung Quốc luôn trong tình trạng mất cân bằng và thâm hụt thương mại với Trung Quốc ngày càng trở nên trầm trọng. Các nhân tố ảnh hưởng và gây ra tình trạng này có thể kể đến là tác động của tự do hóa thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước, luồng vốn đầu tư nước ngoài từ Trung Quốc vào Việt Nam, tỷ giá giữa Việt Nam đồng và Nhân dân tệ, sức cạnh tranh cao hơn của hàng hóa Trung Quốc, sự tham gia của các nhà thầu Trung Quốc trong các công trình lớn ở Việt Nam và sự phát triển của các hoạt động biên giới.

Trước thực trạng thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam với thế giới nói chung và cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc nói riêng, Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực để cải thiện tình trạng này. Tuy nhiên, những

nỗ lực này do một số nguyên nhân vẫn chưa thực sự hiệu quả như mong đợi, do đó tình trạng thâm hụt thương mại vẫn tiếp tục tiếp diễn.

CHƯƠNG III

Các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng thâm hụt thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc

3.1. Một số quan điểm trong việc xây dựng các giải pháp cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

3.1.1. Trung Quốc là một thị trường lớn, quan trọng

Cần coi Trung Quốc là một thị trường hơn là đối thủ cạnh tranh, từ đó tranh thủ sự phát triển và đặc thù thị trường để hợp tác kinh tế thương mại.

3.1.2. Khai thác lợi ích từ sự phát triển nhanh của Trung Quốc

Sự phát triển của Trung Quốc là cơ hội phát triển cho Việt Nam. Việt Nam phải cải cách, phát triển nhanh mới tận dụng được cơ hội này.

3.1.3. Chú trọng tới lợi ích dài hạn:

Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam cần tính đến lợi ích tổng thể.

3.1.4. Đảm bảo phát triển bền vững quan hệ thương mại Việt – Trung:

Phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, xử lý tốt các vấn đề tranh chấp thương mại, bảo vệ môi trường...

3.2. Các giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại giữa Việt – Trung

3.2.1. Các giải pháp về chính sách, pháp luật

Về quản lý biên mậu:

- Xây dựng cơ chế điều tiết, quản lý biên mậu linh hoạt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

- Thỏa thuận với phía Trung Quốc để từng bước áp dụng các quy định, tiêu chuẩn thống nhất cho hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới của hai nước.

Về đàm phán hội nhập kinh tế quốc tế:

Chọn lựa những đối tác thương mại, đòi hỏi đối tác xóa bỏ những rào cản đối với các mặt hàng mà mình đang có lợi thế so sánh và để đáp lại thì có thể nhượng bộ mạnh tay hơn đối với các mặt hàng đã bị hàng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm lĩnh.

Về thuế quan và phi thuế quan:

Thuế quan:

- Hoàn thiện danh mục biểu thuế nhập khẩu tương thích với danh mục HS của Tổ chức Hải quan thế giới.

- Hoàn thiện các mức thuế suất trong biểu thuế.

- Sớm hoàn thành quá trình áp dụng trị giá tính thuế theo WTO.

- Đa dạng cách tính thuế nhập khẩu.

Phi thuế quan:

- Rà soát lại toàn bộ các quy định hiện hành về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Hải hòa hóa tiêu chuẩn Việt Nam với tiêu chuẩn quốc tế.

- Bổ sung, hoàn thiện những văn bản hướng dẫn thi hành pháp lệnh về bảo vệ thương mại tạm thời.

Về tài chính, tiền tệ:

- Thành lập Quỹ bảo hiểm xuất khẩu.
- Đổi mới chính sách tín dụng theo hướng xoá bỏ bao cấp, thực hiện nguyên tắc lãi suất theo thị trường.
- Điều tiết tỷ giá hối đoái theo cơ chế thị trường.

Về xúc tiến thương mại:

Nâng cao chất lượng của các chương trình xúc tiến thương mại thông qua việc sửa đổi quy chế xúc tiến thương mại quốc gia một cách hợp lý, tập trung và có mục tiêu rõ ràng.

Về đấu thầu:

- Xây dựng phương án ưu tiên sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, sản phẩm máy móc thiết bị trong nước đã sản xuất được.
- Xây dựng nội dung đánh giá chấm điểm kỹ thuật chi tiết, quy định điểm yêu cầu tối thiểu ở mức cao.
- Thành lập Hội đồng khoa học – kinh tế để nghiên cứu và đưa ra các hệ số quy đổi thiết bị theo các nguồn gốc, xuất xứ khác nhau.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước

3.2.2.1. Thay đổi việc sử dụng số liệu báo cáo thống kê

Việc thay đổi cách sử dụng số liệu thống kê từ số liệu dự báo, số liệu ước, sang số liệu thực tế gần nhất có thể thống kê được.

3.2.2.2. Thay đổi báo cáo xuất nhập khẩu:

Tập trung xây dựng báo cáo quý, báo cáo năm với số liệu đầy đủ và dài hạn hơn.

3.2.2.3. Thay đổi cách thức điều hành xuất nhập khẩu:

Xuất nhập khẩu cần được đặt ở vị trí quan trọng hơn và được chịu trách nhiệm bởi cấp quản lý cao hơn để có cách thức quản lý phù hợp hơn.

3.2.3. Các giải pháp định hướng hoạt động thương mại của doanh nghiệp Việt Nam với đối tác Trung Quốc

3.2.3.1. Định hướng doanh nghiệp về mặt hàng xuất khẩu:

Các mặt hàng có thể đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc gồm: thuỷ sản, rau quả nhiệt đới, hạt điều, gạo, sản lát và tinh bột sắn, dây cáp điện...

3.3.3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp:

- Nắm bắt kịp thời các thay đổi về chính sách và cơ chế quản lý của Trung Quốc để có các biện pháp phù hợp.
- Cải tiến sản xuất làm ra hàng hoá có chất lượng cao, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đổi mới công tác quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp.
- Nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật thương mại quốc tế.
- Tăng cường sử dụng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và kinh doanh như dịch vụ tư vấn, dịch vụ nghiên cứu và thăm dò thị trường, dịch vụ pháp lý...

3.2.4. Các giải pháp khác

3.2.4.1. Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ:

- Đặc biệt khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trong các ngành công nghiệp phụ trợ.
- Tiếp nhận sự hỗ trợ từ một số nước đã phát triển để nhanh chóng tăng khả năng cung cấp các mặt hàng công nghiệp phụ trợ hiện có.
- Kêu gọi đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất hàng phụ trợ.

3.2.4.2. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế:

- Đầu tư, cải thiện hệ thống giao thông đường bộ phục vụ hoạt động

xuất nhập khẩu.

- Tăng cường hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp các cảng chu chuyển.

- Tiếp tục đầu tư, cải thiện tình hình cung cấp năng lượng, bưu chính viễn thông, nước sạch.

3.2.4.3. Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu và dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với từng ngành nghề cụ thể.

- Tạo mối liên kết giữa các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực với các trường đại học, cao đẳng trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho học viên.

- Xây dựng các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Kết luận chương 3:

Mặc dù việc xây dựng các giải pháp cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là cần thiết. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và thực hiện các giải pháp, cần phải chú ý tới những quan điểm định hướng chủ yếu như: thứ nhất, Trung Quốc là thị trường lớn, quan trọng; thứ hai, khai thác lợi ích từ sự phát triển nhanh của Trung Quốc; thứ ba, chú trọng tới lợi ích dài hạn; thứ tư, đảm bảo phát triển bền vững mối quan hệ thương mại Việt Nam Trung Quốc.

Để cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc, cần có các giải pháp đồng bộ với sự tham gia của cả nhà nước và doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhà nước phải đóng vai trò trung tâm trong vấn đề này thông qua việc xây dựng các chính sách kinh tế phù hợp và đảm bảo hiệu quả thực thi của các chính sách đó.

Kết luận

Nhìn chung, quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong những năm qua đã có sự phát triển vượt bậc, kim ngạch xuất khẩu giữa 2 nước ngày càng tăng và với nhịp độ tăng trưởng đó Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra trong quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc những năm gần đây là mức độ nhập siêu ngày càng gia tăng của Việt Nam từ Trung Quốc. Nhập siêu từ Trung Quốc bắt đầu tăng mạnh từ năm 2001, đến năm 2009 đã chiếm gần 92% tổng nhập siêu của Việt Nam. Nhập siêu từ Trung Quốc đã đóng góp phần lớn vào sự thâm hụt của cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam và ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của nền kinh tế.

Những phân tích về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đã chỉ ra rằng mặc dù kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc và kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc đều tăng mạnh qua các năm, nhưng tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc lớn hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc khiến cho khoảng cách giữa hai đại lượng này càng lớn, gây nên tình trạng nhập siêu. Những nhân tố ảnh hưởng tới cán cân thương mại Việt – Trung hay những nguyên nhân chính làm kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc tăng nhanh và bỏ xa kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc gồm tác động của tự do hóa thương mại, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước, luồng vốn đầu tư nước ngoài từ Trung Quốc vào Việt Nam, tỷ giá giữa Việt Nam đồng và Nhân dân tệ, sức cạnh tranh cao hơn của hàng hóa Trung Quốc, sự tham gia của các nhà thầu Trung Quốc trong các công trình lớn ở Việt Nam và sự phát triển của các hoạt động biên giới. Với tình trạng nhập siêu từ Trung Quốc rất lớn như vậy và các lý do nêu trên, sớm thu hẹp nhập siêu là rất khó.

Trước những diễn biến của tình trạng thâm hụt thương mại với Trung Quốc, Chính phủ đã có những chủ trương và hành động cụ thể. Tuy nhiên, do những chính sách đưa ra còn chưa phù hợp, khả năng thực thi còn yếu kém, tình trạng nhập siêu với Trung Quốc nói riêng và sự mất cân bằng cán cân thương mại tổng thể của Việt Nam nói chung vẫn chưa được cải thiện.

Từ những phân tích chuyên sâu về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như bài học kinh nghiệm của các nước đi trước, các giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc được đưa ra đặt trọng tâm vào việc nâng cao chất lượng và khả năng thực thi của các chính sách kinh tế, kết hợp giữa giải pháp ngắn hạn và giải pháp dài hạn trên cơ sở đảm bảo mối quan hệ bền vững giữa hai quốc gia./.

